

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Quang
Bà Phạm Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà
Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 273/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1987.

ĐKKHKT: KDC N2, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: KDC K, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Tô Sỹ N**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC N2, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Tô Văn T**, sinh năm 1956 và bà **Trương Thị N1**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: KDC N2, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Tô Sỹ N được tự do tìm hiểu, tự

nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L (nay là phường M, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ khi đi anh có về phép một lần vào năm 2017, từ đó anh không về thăm gia đình lần nào nữa. Do thời gian sống xa cách quá lâu nên vợ chồng không hiểu và không thông cảm cho nhau, không còn tiếng nói chung, từ lâu anh N không liên lạc, không quan tâm đến gia đình vợ con. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tô Sỹ N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Tô Thành D, sinh ngày 26/10/2006 và Tô Duy T1, sinh ngày 24/8/2019, hiện con Tô Duy T1 đang ở với chị, còn con Tô Thành D đã về ở với bố mẹ đẻ của anh N là ông Tô Văn T và bà Trương Thị N1 từ năm 2020. Khi ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tô Duy T1 và nhất trí giao con Tô Thành D cho anh N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí để ông T, bà N chăm sóc con chung Tô Duy T1 thay anh N.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Tô Văn T và bà Trương Thị N1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh N. Ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh N vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh N biết. Thông qua gia đình anh N có quan điểm vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm không còn nên chị X có đơn xin ly hôn, anh cũng nhất trí. Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị X đã trình bày. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Tô Thành D, còn chị X nuôi con Tô Duy T1, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh N ủy quyền cho ông T, bà N chăm sóc cháu Tô Thành D trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ông T, bà N nhất trí nhận ủy quyền của anh N về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tô Duy T1.

Cháu Tô Thành D có nguyện vọng được ở với bố và ông, bà nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị X và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Tô Sỹ N. Về con chung: Giao con chung Tô Duy T1 cho chị

X nuôi dưỡng; giao con chung Tô Thành D cho anh N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh N không ở Việt Nam tạm giao con chung Tô Thành D cho ông Tô Văn T và bà Trương Thị N1 nuôi dưỡng. Chị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X sinh sống tại KDC K, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Bị đơn anh Tô Sỹ N có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại KDC N2, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương, hiện anh N đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị X không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh N cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông T, bà N - bố, mẹ đẻ anh N, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị X, ông T, bà N có đơn và có quan điểm xin được xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh N cũng có quan điểm xin được vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Tô Sỹ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L (nay là phường M, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2005, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian lao động tại Đài Loan anh có về phép thăm gia đình một lần nên vợ chồng chủ yếu sống xa cách nhau dẫn đến vợ chồng thiếu thông cảm và không có tiếng nói chung. Nay cả 2 anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị X có đơn xin ly hôn anh N cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị X và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Tô Thành D, sinh ngày 26/10/2006 và Tô Duy T1, sinh ngày 24/8/2019, hiện con Tô Duy T1 đang ở với chị còn con Tô Thành D đã về ở với ông bà nội từ năm 2020. Chị X và anh N đều thống nhất giao con chung Tô Thành D cho anh N nuôi dưỡng và giao con chung Tô Duy T1 cho chị X nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con

chung. Cháu D cũng có nguyện vọng được ở với bố và ông, bà nội. Hội đồng xét xử thấy, sự thỏa thuận của các đương sự không trái quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Do vậy để ổn định cuộc sống cho các cháu, cần giao cháu D cho anh N nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho chị X nuôi dưỡng. Trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu D cho ông T, bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X ly hôn anh Tô Sỹ N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Tô Duy T1, sinh ngày 24/8/2019 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Giao cho anh Tô Sỹ N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Tô Thành D, sinh ngày 26/10/2006 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu Tô Thành D cho ông Tô Văn T và bà Trương Thị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị X và anh Tô Sỹ N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị X đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004616 ngày 03/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị X đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị X, ông Tô Văn T và bà Trương Thị N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Tô Sỹ N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường M, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP; Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền
(Đã ký)